ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung về phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Những nội dung không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cháy rừng* là trường hợp xảy ra cháy trên đất có rừng trồng hoặc rừng tự nhiên có gây thiệt hại đến rừng, ảnh hưởng đến môi trường.

2. *Rừng dễ cháy* là rừng tràm, rừng keo lai, rừng trên đảo, rừng trồng bằng các loài cây khác có khả năng dễ cháy trên đất quy hoạch lâm nghiệp.

3. *Chủ rừng* là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định của pháp luật.

4. *Công trình phòng cháy và chữa cháy rừng*, bao gồm: đường băng cản lửa, kênh, mương ngăn lửa, hồ, cống, đập giữ nước, bể chứa nước được xây dựng hoặc cải tạo để phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng; chòi quan sát lửa; hệ thống biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy rừng; hệ thống thông tin liên lạc; trạm bơm, hệ thống cấp nước và các công trình khác phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. *Lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng cơ sở* là lực lượng của các đơn vị chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã lập ra để làm nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy rừng.

6. *Phương châm "4 tại chỗ"*, bao gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ.

Điều 4. Phương châm và yêu cầu trong phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Phương châm: Phòng cháy rừng là chính, chữa cháy rừng phải khẩn trương, kịp thời, triệt để và an toàn.

2. Yêu cầu trong phòng cháy và chữa cháy rừng:

a) Hạn chế đến mức thấp nhất và loại bỏ nguồn lửa gây cháy rừng, khả năng bén lửa của vật liệu cháy, dập tắt kịp thời đám cháy khi mới phát sinh; chấm dứt nhanh lây lan của đám cháy, đảm bảo an toàn cho lực lượng và phương tiện chữa cháy rừng.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phải chỉ đạo thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trong phạm vi địa bàn quản lý.

c) Chủ rừng phải thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; chịu trách nhiệm nếu để rừng do đơn vị quản lý bị cháy.

d) Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo, thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy rừng như: ban hành các quy định về đảm bảo an toàn công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trong phạm vi địa bàn quản lý, hướng dẫn các chủ rừng thực hiện phòng cháy và chữa cháy rừng.

đ) Lực lượng Công an, Quân đội có trách nhiệm phối hợp với lực lượng Kiểm lâm trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

e) Cơ quan Kiểm lâm các cấp có trách nhiệm tổ chức dự báo cháy rừng và thông tin kịp thời các cấp dự báo cháy rừng đến Ủy ban nhân dân cùng cấp nơi có rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau trong suốt mùa khô.

Chương II
PHÒNG CHÁY RỪNG

Điều 5. Phương án, kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Tất cả các chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê trên địa bàn có rừng dễ cháy có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2. Phương án phòng cháy và chữa cháy rừng của các chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê phải gửi đến cơ quan Kiểm lâm sở tại, Công an cấp xã tham gia ý kiến. Hoàn thành trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn quản lý, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

4. Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh, có trách nhiệm tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Điều 6. Tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Trách nhiệm tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy rừng

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Cơ quan Kiểm lâm tỉnh tham mưu tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng tại địa phương theo quy định của pháp luật.

c) Lực lượng Kiểm lâm có trách nhiệm hướng dẫn, xây dựng chương trình, tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

d) Các đơn vị chủ rừng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh rừng trên diện tích đơn vị quản lý.

đ) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về công tác phòng cháy và chữa cháy rừng cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên, học sinh, sinh viên và quần chúng nhân dân.

2. Nội dung và hình thức tuyên truyền, phổ biến về phòng cháy và chữa cháy rừng

a) Nội dung tuyên truyền, phổ biến: văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các pháp luật liên quan; trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức, chủ rừng và người dân trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng; tác hại, tính chất nguy hiểm của cháy rừng; các nguyên nhân gây cháy và giải pháp phòng ngừa; biện pháp xử lý các tình huống cháy rừng; công tác tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng cho các chủ rừng; biện pháp sử dụng lửa an toàn trong sản xuất và sinh hoạt trong thời kỳ cao điểm xảy ra cháy rừng; thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm điểm cháy rừng; hướng dẫn các biện pháp, quy trình phòng cháy rừng, báo tin khi cháy rừng xảy ra; hướng dẫn quy trình xử lý khi có cháy rừng xảy ra; thực tập phương án chữa cháy rừng và cứu nạn, cứu hộ, kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng.

b) Hình thức tuyên truyền, phổ biến: tổ chức hội nghị, họp chuyên đề về phòng cháy và chữa cháy rừng hoặc lồng ghép chuyên đề về phòng cháy và chữa cháy rừng với hoạt động khác; quy định nội dung phòng cháy và chữa cháy rừng vào hương ước, quy ước của cộng đồng thôn, bản; ký cam kết thực hiện các quy định về phòng

cháy và chữa cháy rừng; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa phát thanh ở cơ sở, nơi sinh hoạt cộng đồng của các khu dân cư sống gần rừng, các trang mạng xã hội; phát hành tờ rơi, xây dựng bảng tin, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, biển cấm lửa tại các khu rừng, khu dân cư sống gần rừng; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về phòng cháy và chữa cháy rừng; các hình thức tuyên truyền khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng.

Điều 7. Giữ nước phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Tất cả các đập, cống điều tiết nước và rãnh thoát nước ở các khu rừng tập trung dễ cháy, chủ rừng phải đắp đập, đóng cống kịp thời để giữ nước phòng cháy và chữa cháy rừng. Việc đắp đập, đóng cống giữ nước phải đảm bảo yêu cầu giữ được lượng nước trong khu rừng nhằm duy trì độ ẩm của đất rừng, nhưng không ảnh hưởng đến sản xuất nông, ngư nghiệp khu vực xung quanh.

2. Đối với Vườn Quốc gia U Minh Hạ, thời gian bắt đầu đắp đập, đóng cống giữ nước trung bình từ cuối tháng 9 hàng năm; các khu vực còn lại đắp đập, đóng cống trung bình vào cuối tháng 10 hàng năm. Thời gian cụ thể giao Chi cục Kiểm lâm thông báo. Khi kết thúc mùa khô, các chủ rừng, địa phương mở cống xả nước để tránh gây ngập úng tạo điều kiện thuận lợi cho cây rừng sinh trưởng và phát triển.

3. Cơ quan Kiểm lâm phối hợp với cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kiểm tra việc giữ nước phòng cháy và chữa cháy rừng của các chủ rừng. Xử lý nghiêm các đơn vị vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

Điều 8. Cấp dự báo cháy rừng

1. Cấp dự báo cháy rừng gồm 5 cấp, từ cấp I đến cấp V: Cấp I là cấp thấp; cấp II là cấp trung bình; cấp III là cấp cao; cấp IV là cấp nguy hiểm; cấp V là cấp cực kỳ nguy hiểm.

2. Biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng thực hiện theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

3. Dự báo cháy rừng cấp I:

a) Đặc trưng cháy rừng: ít có khả năng cháy rừng. Khả năng cháy rừng thấp, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số I.

b) Biện pháp phòng cháy rừng:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã và các chủ rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, tuyên truyền giáo dục về phòng cháy, chữa cháy rừng và sử dụng lửa làm giảm vật liệu cháy, đốt đồng ruộng đúng quy định.

4. Dự báo cháy rừng cấp II:

a) Đặc trưng cháy rừng: Có khả năng cháy rừng. Khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biên báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số II.

b) Biện pháp phòng cháy rừng:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban chỉ huy cấp xã, các chủ rừng tăng cường kiểm tra, đôn đốc bố trí người canh phòng, lực lượng sẵn sàng kịp thời dập tắt khi mới xảy ra cháy rừng, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng lửa đốt đồng ruộng.

5. Dự báo cháy rừng cấp III:

a) Đặc trưng cháy rừng: Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng. Khả năng cháy lan trên diện rộng, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số III.

b) Biện pháp phòng cháy rừng:

Chú trọng phòng cháy các loại rừng: Tràm cừ, tràm úc, keo lai và rừng hỗn giao trên núi đá,...; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban chỉ huy cấp xã phối hợp Hạt Kiểm lâm đôn đốc thực hiện các biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng của các chủ rừng, cấm đốt thực bì dưới tán rừng; các chủ rừng phải thường xuyên kiểm tra lực lượng canh phòng và lực lượng khoán quản lý bảo vệ rừng; lực lượng canh phòng trực 10/24 giờ trong ngày (từ 10 giờ đến 20 giờ), đặc biệt chú trọng các giờ cao điểm. Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy trong phạm vi quản lý.

6. Dự báo cháy rừng cấp IV:

a) Đặc trưng cháy rừng: Thời tiết khô hanh, hạn kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lửa lan nhanh. Nguy cơ cháy rừng lớn, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số IV.

b) Biện pháp phòng cháy rừng:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương; các chủ rừng và lực lượng Kiểm lâm thường xuyên kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm dễ cháy; lực lượng canh phòng phải thường xuyên trên chòi canh và ngoài hiện trường rừng, đảm bảo trực 12/24 giờ (từ 09 giờ đến 21 giờ trong ngày), nhất là các giờ cao điểm, phát hiện kịp thời điểm cháy, báo động và huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường lực lượng, phương tiện chữa cháy khi cần thiết; cán bộ được phân công phụ trách dự báo cấp cháy rừng nắm chắc tình hình khí tượng, thủy văn để dự báo và thông báo kịp thời trên các phương tiện thông tin truyền thông về cấp cháy và tình hình cháy rừng hàng ngày ở địa phương.

7. Dự báo cháy rừng cấp V:

a) Đặc trưng cháy rừng: Thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan nhanh trên các loại rừng. Rất nguy hiểm và cực kỳ nguy hiểm, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số V.

b) Biện pháp phòng cháy rừng:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm, Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp tỉnh, xã, các chủ rừng thực hiện các biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng; lực lượng Công an phối hợp với lực lượng Kiểm lâm tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm cháy, đảm bảo trực 24/24 giờ trong ngày, tăng cường kiểm tra người và phương tiện vào rừng; thông báo thường xuyên nội quy dùng lửa trong rừng và ven rừng; khi xảy ra cháy phải huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay, tiến hành điều tra xác minh vụ cháy và truy tìm thủ phạm, xử lý nghiêm minh; khi cần thiết, đề nghị Trung ương chi viện lực lượng và phương tiện chữa cháy.

Điều 9. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo vật liệu cháy:

TT	Khối lượng		Dự báo cấp cháy rừng	Mức độ nguy hiểm
	Vật liệu cháy khô (tấn/ha)	Vật liệu cháy tươi (tấn/ha)		
01	< 5	< 5	III	Tương đối nguy hiểm
02	5 - 10	5 - 10	IV	Nguy hiểm
03	> 10	> 10	V	Cực kỳ nguy hiểm

2. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo độ sâu mực nước ngầm:

TT	Độ sâu mực nước ngầm (cm)	Đặc điểm vật liệu cháy	Mức nguy hiểm của cháy rừng	Dự báo cấp cháy rừng
01	<50	Ẩm	Ít nguy hiểm	III
02	50-90	Khô	Nguy hiểm	IV
03	>90	Rất khô	Rất nguy hiểm	V

3. Bảng tra cấp cháy rừng quan hệ độ ẩm vật liệu cháy với khả năng phát sinh cháy rừng:

Cấp cháy	Độ ẩm của vật liệu cháy (%)	Khả năng xảy ra cháy rừng	Tính cách của đám cháy	Mục trắc nếu bẻ vật liệu cháy
I	35-45	Ít có khả năng cháy rừng		Dai, tay cảm giác ướt
II	25-35	Có khả năng cháy rừng	Cường độ thấp	Gấp đôi được
III	15-25	Dễ xảy ra cháy rừng	Cường độ trung bình	Gãy kêu lách tách
IV	10-15	Dễ xảy ra cháy rừng và nguy cơ	Tốc độ lan tràn của lửa nhanh; rất nóng,	Gãy kêu to

		cháy	khó kiểm soát	
V	<10	Rất dễ xảy ra cháy rừng, cực kỳ nguy hiểm	Tốc độ lan tràn lửa rất nhanh, thất thường, khó kiểm soát	Vò nát tinh

4. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo chỉ số P của Nesterop

Cấp cháy	**Chỉ tiêu P**	**Đặc trưng của các cấp dự báo cháy rừng**
I	<5000	Cấp thấp, ít có khả năng cháy rừng
II	5001 - 10.000	Cấp trung bình, có khả năng cháy rừng
III	10.001 - 15.000	Cấp cao, dễ xảy ra cháy rừng
IV	15.001 - 20.000	Cấp nguy hiểm, có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn

Cách tính chỉ tiêu P của Nesterop được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 127/2000/QĐ-BNN-KL ngày 11 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về cấp dự báo, báo động và biện pháp tổ chức thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Chủ rừng và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác định cấp cháy, dự báo cháy trên diện tích đơn vị quản lý. Chi cục Kiểm lâm tỉnh phối hợp với cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, thông tin cấp dự báo cháy rừng liên tục hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng khi dự báo đến cấp IV và cấp V trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Phương án, dự án phát triển rừng trên đất rừng dễ cháy

1. Các phương án, dự án phát triển rừng trên đất rừng dễ cháy thực hiện theo Điều 48 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

2. Các phương án tác động đến rừng, đất lâm nghiệp thực hiện trong mùa khô có ảnh hưởng đến công tác phòng cháy và chữa cháy rừng, Thủ trưởng đơn vị trực tiếp thực hiện phương án phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra cháy rừng.

Điều 11. Quản lý vật liệu cháy và sử dụng lửa

1. Quản lý vật liệu cháy rừng

a) Hằng năm, chủ rừng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện việc giảm vật liệu cháy rừng để phòng ngừa nguy cơ cháy rừng.

b) Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ rừng thực hiện việc giảm vật liệu cháy rừng trên địa bàn.

2. Sử dụng lửa trong và ven rừng đúng theo quy định sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn người dân địa phương việc sử dụng lửa trong sản xuất, canh tác, xử lý thực bì trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện đúng thời điểm, địa điểm; tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng đối với các hộ dân có hoạt động sản xuất, canh tác gần rừng.

b) Tiến hành đốt lửa để giảm vật liệu cháy lúc gió nhẹ, vào trước 09 giờ sáng và sau 16 giờ buổi chiều. Tuyệt đối không sử dụng lửa để giảm vật liệu cháy khi rừng dự báo cấp IV, cấp V.

c) Trước khi đốt phải làm đường băng ngăn cách với khu rừng xung quanh; bố trí lực lượng, phương tiện, dụng cụ sẵn sàng phòng lửa cháy lan. Tuyệt đối không được để lửa cháy lan vào rừng và kiểm soát chặt chẽ đến khi lửa đã tắt.

3. Việc cho phép đốt lửa trong và ven rừng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các tổ chức; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với hộ gia đình, cá nhân.

4. Đối với việc sử dụng lửa trên diện tích đơn vị quản lý phục vụ sinh hoạt, hoạt động của các tổ chức, cá nhân phải tránh những nơi có nhiều vật liệu dễ cháy, khi sử dụng xong phải dập tắt ngay.

Điều 12. Tổ chức, quản lý lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp tỉnh giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ về công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh phù hợp theo tình hình thực tế.

2. Chủ rừng là cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thành lập Ban Chỉ huy cơ sở, các tổ, đội và trực tiếp quản lý, duy trì hoạt động của Ban Chỉ huy, tổ, đội, phòng cháy và chữa cháy rừng trên diện tích đơn vị quản lý. Mỗi tổ chữa cháy có dưới 10 người; mỗi đội chữa cháy có từ 10 người trở lên, chấp hành nghiêm lệnh huy động khi có yêu cầu.

3. Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm thành lập và trực tiếp quản lý, duy trì hoạt động của các đơn vị phòng cháy và chữa cháy rừng thuộc phạm vi địa bàn quản lý; chủ trì phối hợp với cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng đối với lực lượng chuyên ngành và lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng cơ sở theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, thành lập Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn xã; Tổ chức phối hợp huy động lực lượng, trang thiết bị, phương tiện chữa cháy rừng trên địa bàn theo quy định của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng

cháy và chữa cháy rừng cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, dân phòng địa phương và lực lượng dân quân tự vệ để đảm bảo cho công tác phòng cháy và chữa cháy rừng được thực hiện theo phương châm "4 tại chỗ"

2. Hàng năm, các chủ rừng và địa phương phải cử lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng.

Điều 14. Thông tin, liên lạc và trực phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Chủ rừng phải trang bị hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động thông suốt từ tổ, đội đến Ban Chỉ huy của đơn vị. Chế độ thông tin báo cáo do Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu quyết định hình thức phù hợp theo điều kiện thực tế và áp dụng thống nhất cho tất cả các đơn vị.

2. Việc trực thông tin liên lạc, theo dõi, báo cáo diễn biến tình hình phòng cháy và chữa cháy rừng phải được tổ chức chặt chẽ, liên tục từ cơ sở đến cấp tỉnh.

3. Khi dự báo cháy rừng cấp III, IV, V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và các lực lượng chức năng liên quan rà soát, xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao trên địa bàn; tổ chức trực và canh gác tại các khu rừng có nguy cơ cháy rừng cao. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm rà soát, báo cáo xác định cấp dự báo cháy, đề xuất thời gian tổ chức trực và canh gác rừng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Mỗi ca trực đối với các đơn vị Kiểm lâm, các chủ rừng là tổ chức phải có một người trong Ban lãnh đạo; lãnh đạo ca trực phải chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo kịp thời về tình hình phòng cháy và chữa cháy rừng trong thời gian trực.

5. Người trực có trách nhiệm: theo dõi thông tin cấp dự báo cháy rừng, thông tin các điểm cảnh báo cháy rừng và thông báo cho lực lượng chức năng liên quan kiểm tra, xác minh. Tiếp nhận thông tin về phòng cháy, chữa cháy rừng của người dân và báo cáo lãnh đạo đơn vị để xử lý kịp thời.

Điều 15. Công trình phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Hệ thống kênh và đường giao thông phải được phát dọn đảm bảo lưu thông phục vụ cho công tác phòng cháy và chữa cháy rừng đến khi kết thúc mùa khô. Hệ thống kênh phải được nạo vét, đào mới với bề rộng kênh từ 05 - 10m và độ sâu từ 02 - 2,5 m.

2. Hệ thống chòi quan sát lửa rừng

a) Các chủ rừng có diện tích rừng tập trung ≥ 100 ha phải xây dựng hệ thống chòi quan sát lửa đảm bảo kiểm soát các điểm cháy xuất hiện trên diện tích rừng do đơn vị quản lý.

b) Với những diện tích rừng lớn, tập trung từ 1.000 - 2.000 ha có một chòi canh chính chiều cao từ 17 m trở lên và 02 chòi canh phụ chiều cao 15 m.

c) Các thiết bị cần có tại mỗi chòi canh: ống nhòm, la bàn, bản đồ và hệ thống liên lạc đảm bảo thông suốt.

3. Băng cây xanh cản lửa cần được xây dựng dọc theo các kênh rạch, đường giao thông, xung quanh các điểm dân cư, những vùng đất sản xuất nông nghiệp, kho tàng, cơ quan, đơn vị quân đội nằm ở trong rừng và ven rừng. Tùy theo tuyến, chủ rừng xây dựng bằng cây xanh có chiều rộng phù hợp, trung bình từ 05 - 20 m.

4. Hệ thống biển cấm, biển báo hiệu cấp cháy rừng phải được đặt ở những nơi có rừng dễ cháy, các tuyến đường trong và ven rừng, khu vực tiếp giáp khu dân cư. Đối với diện tích rừng từ 100 - 200 ha phải có 01 - 02 biển dự báo cấp cháy rừng và 01-02 bảng tuyên truyền bảo vệ rừng.

5. Công trình phòng cháy và chữa cháy rừng phải được quản lý, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy định để đảm bảo phục vụ tốt công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

6. Việc xây dựng các công trình phòng cháy và chữa cháy rừng phải thực hiện theo dự án, phương án, kế hoạch phòng cháy và chữa cháy rừng được cấp thẩm quyền duyệt.

Điều 16. Phương tiện, trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Chủ rừng phải trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị, máy móc, dụng cụ đảm bảo cho công tác phòng cháy và chữa cháy rừng, bao gồm: máy bơm, máy thổi gió, cưa máy, ô tô, võ máy, vòi chữa cháy,... và các dụng cụ thủ công.

2. Trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy rừng phải bảo đảm về số lượng và chất lượng, đồng bộ, hiện đại, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước và chủ rừng.

Chương III
CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 17. Các biện pháp chữa cháy rừng

1. Biện pháp chữa cháy

a) Biện pháp chữa cháy rừng trực tiếp: Sử dụng tất cả các phương tiện, thiết bị từ thủ công đến cơ giới hiện đại, như: cành cây, rựa, bàn dập lửa, cào, bình tưới nước, các loại máy bơm phun nước chữa cháy, máy thổi gió,... và hoá chất tác động trực tiếp vào đám cháy để dập tắt lửa; thường áp dụng đối với đám cháy có diện tích nhỏ hoặc cháy trên bề mặt đất.

b) Biện pháp chữa cháy rừng gián tiếp: Dùng lực lượng, phương tiện và thiết bị để cô lập đám cháy, thường áp dụng cho đám cháy lớn, cường độ cháy cao, tốc độ lan truyền nhanh và diện tích khu rừng cần bảo vệ lớn, cụ thể: dùng băng trắng ngăn lửa, băng đốt trước (dùng lửa dập lửa), đào kênh, mương, rãnh để chống cháy ngầm và chữa cháy.

2. Thực hiện theo phương châm "4 tại chỗ", gồm:

a) Dùng lực lượng và phương tiện tại chỗ dập tắt ngay đám cháy khi mới phát hiện.

b) Tạo đường băng cản lửa, khoanh vùng cô lập đám cháy.

c) Áp dụng biện pháp đốt trước có kiểm soát để chữa cháy khi có đủ điều kiện cho phép; đào kênh, mương, rãnh để chống cháy ngầm.

d) Huy động tối đa lực lượng, phương tiện và thiết bị, dụng cụ để chữa cháy khi cần thiết; các biện pháp chữa cháy rừng khác phù hợp với tình hình thực tế.

3. Phương pháp bố trí lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy

a) Đối với rừng mà phương tiện cơ giới chữa cháy không thể tiếp cận được thì phải huy động tối đa lực lượng và các phương tiện khác để chữa cháy

- Dụng cụ thủ công như: Dao, rựa, cuốc, xẻng, bàn dập lửa, cành cây,...

- Máy phun nước, máy bơm chữa cháy xách tay, máy thổi gió, cưa xăng,...

b) Đối với rừng có thể đưa phương tiện cơ giới vào chữa cháy thì phải huy động tối đa phương tiện cơ giới để chữa cháy gồm: Xe ô tô chữa cháy chuyên dụng, xe mô tô chữa cháy chuyên dụng, xe chở nước,...

4. Chữa cháy rừng tại hiện trường có đạn nổ

a) Trường hợp hiện trường cháy có tiếng nổ do đạn, bom, mìn và vật liệu nổ khác còn sót lại sau chiến tranh, chỉ huy chữa cháy ngay lập tức chỉ đạo lực lượng chữa cháy tránh xa khu vực cháy, không được dùng phương pháp dập lửa trực tiếp hoặc phương pháp đốt ngược để chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn tính mạng con người.

b) Áp dụng phương pháp chữa cháy gián tiếp, làm đường băng trắng trước hướng lan truyền của đám cháy; khoảng cách từ đường băng trắng đến đám cháy và độ rộng của đường băng trắng tùy thuộc vào địa hình, tốc độ lan truyền của đám cháy, do chỉ huy chữa cháy quyết định.

5. Chữa cháy rừng vào ban đêm

Căn cứ vào tình hình thực tế, chỉ huy lực lượng chữa cháy quyết định hình thức chữa cháy phù hợp, cụ thể:

a) Điều kiện trạng thái thực bì nhỏ (chiều cao thực bì <1m, tỉ lệ độ che phủ <40%), địa hình tương đối bằng phẳng, lực lượng, phương tiện đảm bảo, áp dụng biện pháp chữa cháy trực tiếp.

b) Điều kiện trạng thái thực bì lớn (chiều cao thực bì >1m, tỉ lệ độ che phủ >40%), địa hình phức tạp, lực lượng, phương tiện không đảm bảo và nhằm đảm bảo an toàn tính mạng người chữa cháy, áp dụng biện pháp chữa cháy gián tiếp.

Điều 18. Tiếp nhận thông tin và xử lý tình huống khi cháy rừng xảy ra

1. Tiếp nhận thông tin cháy rừng

Người phát hiện cháy rừng phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh và cho một hoặc các đơn vị sau đây:

a) Chủ rừng.

b) Đội phòng cháy và chữa cháy rừng nơi gần nhất.

c) Cơ quan Kiểm lâm hoặc cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ nơi gần nhất.

d) Chính quyền địa phương sở tại hoặc cơ quan Công an, Quân đội nơi gần nhất

Khi tiếp nhận tin báo cháy rừng, người nhận tin báo phải hỏi rõ và ghi vào sổ tiếp nhận các thông tin sau: Họ tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của người báo cháy; địa điểm, thời gian xảy ra cháy; những thông tin về đám cháy như: Loại rừng xảy ra cháy, diện tích đám cháy, nguy cơ cháy lan, nguy cơ ảnh hưởng đến khu vực dân cư và những thông tin khác liên quan đến đám cháy; đồng thời, báo cáo ngay thông tin đã tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2. Xử lý thông tin cháy rừng

a. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo về cháy rừng xảy ra trong địa bàn được phân công quản lý phải nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ đến tổ chức chữa cháy, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác biết để chi viện chữa cháy.

b. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này khi nhận được tin báo cháy ngoài địa bàn được phân công quản lý phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy biết để xử lý và tham gia chữa cháy rừng; đồng thời báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp để xem xét, quyết định điều động lực lượng, phương tiện, thiết bị, dụng cụ đến chữa cháy khi có yêu cầu phối hợp.

3. Người tham gia chữa cháy phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy.

4. Chủ rừng và các lực lượng công an, kiểm lâm, quân đội, dân quân tự vệ, lực lượng phòng cháy, chữa cháy cơ sở, lực lượng dân phòng, cơ quan hữu quan khác có nhiệm vụ chữa cháy và tham gia chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy. Đám cháy nhỏ (dưới 01 ha) do chủ rừng trực tiếp chữa cháy; đám cháy trung bình (trên 01 ha đến 03 ha) do chủ rừng, lực lượng Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phối hợp chữa cháy; đám cháy lớn (trên 03 ha) do chủ rừng, cơ quan Kiểm lâm, lực lượng Công an và Quân đội phối hợp chữa cháy theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ thực hiện việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy rừng, chỉ huy chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 19. Chỉ đạo và chỉ huy chữa cháy rừng

Nhiệm vụ chỉ đạo và chỉ huy chữa cháy rừng thực hiện theo quy định tại Điều 51a Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được bổ sung bởi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

Điều 20. Xác định nguyên nhân gây cháy, thiệt hại do cháy rừng

1. Xác định nguyên nhân gây cháy rừng

a) Tất cả các vụ cháy rừng đều phải được điều tra, xác định nguyên nhân gây cháy để làm căn cứ xử lý, rút kinh nghiệm và có biện pháp phòng ngừa. Việc xác định nguyên nhân gây cháy rừng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 52, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và các tình tiết liên quan, để xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

b) Chính quyền địa phương, chủ rừng có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

2. Xác định thiệt hại do cháy rừng

a) Chủ rừng có trách nhiệm xác định mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, gồm:

b) Xác định diện tích, loại rừng, trạng thái rừng bị cháy, đánh giá mức độ thiệt hại và xác định diện tích rừng bị thiệt hại do cháy rừng; khả năng phục hồi rừng sau khi cháy; những thiệt hại về người, tài sản, và các thiệt hại khác (nếu có).

c) Báo cáo vụ cháy rừng: Thực hiện khoản 9 Điều 10, Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày vụ cháy rừng được dập tắt, chủ rừng có trách nhiệm lập báo cáo về cháy rừng gửi Hạt Kiểm lâm; trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của chủ rừng, Hạt Kiểm lâm có trách nhiệm báo cáo Chi cục Kiểm lâm tỉnh. Nội dung báo cáo về cháy rừng của chủ rừng thực hiện theo Mẫu số 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 16/2025/TT-BNNMT. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Hạt Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm tỉnh báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

3. Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm hỗ trợ chủ rừng và kiểm tra, giám định khi cần thiết về kết quả xác định thiệt hại do cháy rừng gây ra do chủ rừng báo cáo. Giám sát việc thực hiện phục hồi rừng của chủ rừng.

Điều 21. Khắc phục hậu quả do cháy rừng

1. Chủ rừng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phục hồi rừng sau khi cháy

a) Phục hồi rừng sau cháy đối với những nơi có lớp than bùn trong Vườn Quốc gia, áp dụng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh.

b) Phục hồi rừng sau cháy đối với những nơi không có lớp than bùn trong Vườn Quốc gia, áp dụng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và trồng bổ sung.

c) Trong trường hợp rừng bị cháy thiệt hại không thể áp dụng các biện pháp nêu trên, cần áp dụng biện pháp trồng rừng mới (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt).

2. Diện tích rừng sau cháy phải được xây dựng kế hoạch, phương án phục hồi lại rừng bằng biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, trồng bổ sung hoặc trồng rừng mới ngay sau mùa vụ trồng rừng trong năm. Nghiêm cấm các tổ chức, hộ gia đình,

cá nhân tự ý sử dụng đất rừng sau cháy để sản xuất nông nghiệp hoặc sử dụng với mục đích khác.

Chương IV
CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 22. Kinh phí hỗ trợ cho người tham gia chữa cháy rừng

1. Khi chữa cháy rừng ở cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hằng ngày, người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy rừng và phục vụ chữa cháy rừng (bao gồm cả người hưởng lương và người không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước) theo lệnh điều động, huy động, triệu tập của người có thẩm quyền được hỗ trợ tiền ăn với mức chi bằng 0,4 ngày lương tối thiểu vùng/suất ăn.

2. Trường hợp Chính phủ có quy định thay đổi mức lương tối thiểu vùng, thì mức chi tiền ăn tại khoản 1 Điều này được điều chỉnh tương ứng.

3. Ngoài nội dung và mức chi tại khoản 1 Điều này, các chế độ, chính sách đối với các lực lượng và những người tham gia chữa cháy rừng (bao gồm cả người hưởng lương và người không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước) thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.”

4. Cấp có thẩm quyền quyết định điều động, huy động lực lượng tham gia chữa cháy rừng có trách nhiệm thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho lực lượng tham gia chữa cháy rừng do cấp huy động. Chủ rừng có trách nhiệm thanh toán kinh phí từ nguồn kinh phí của đơn vị cho lực lượng do chủ rừng huy động.

5. Các chủ rừng không thụ hưởng ngân sách nhà nước tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định pháp luật.

Điều 23. Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng

1. Ngân sách nhà nước có chính sách đầu tư cho các hoạt động mang tính chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy rừng gồm:

a) Mua sắm, sửa chữa phương tiện, trang bị, thiết bị, công cụ hỗ trợ: phòng cháy và chữa cháy rừng; quan trắc, cảnh báo nguy cơ cháy rừng;

b) Hoạt động thông tin, tuyên truyền, tập huấn và thực hiện các nhiệm vụ đặc thù, đột xuất về phòng cháy và chữa cháy rừng.

2. Ngân sách nhà nước tỉnh đảm bảo kinh phí cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng cho Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương, bố trí kinh phí cho Ban chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã.

3. Các chủ rừng không thụ hưởng ngân sách nhà nước tự đảm bảo kinh phí cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định.

4. Trường hợp cháy rừng xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại lớn đến tài sản và tính mạng của nhân dân, vượt quá khả năng về tài chính của đơn vị chủ rừng, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc hỗ trợ kinh phí.

5. Nguồn kinh phí chữa cháy rừng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 24. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Cơ quan trực tiếp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác phòng cháy và chữa cháy rừng.

2. Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định;

b) Chủ trì, kiểm tra việc chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng và các hoạt động liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Tổ chức tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng;

d) Phối hợp với ngành, địa phương thông báo cấp dự báo cháy rừng trên các phương tiện truyền thông trong các tháng mùa khô trên địa bàn tỉnh;

e) Theo dõi, quản lý hoạt động của các đơn vị phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý; phối hợp tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng ở cơ sở.

Điều 25. Công an tỉnh

Chỉ đạo Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các lực lượng khác thực hiện:

1. Phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, các đơn vị liên quan tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng cho các lực lượng trên địa bàn tỉnh;

2. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm, đơn vị Quân đội, UBND các cấp và các đơn vị có liên quan thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với hành vi gây cháy rừng; xác định nguyên nhân các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật;

3. Tiếp nhận điều tra, xử lý các vụ vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng có dấu hiệu tội phạm; định kỳ hoặc đột xuất thông báo với cơ quan Kiểm lâm thông tin về tình hình tội phạm và kết quả điều tra, xử lý các vụ án;

4. Phối hợp cơ quan Kiểm lâm tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ điều tra hình sự cho công chức Kiểm lâm làm công tác điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 26. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ nâng cao nhận thức, nắm vững và chấp hành nghiêm quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng;

2. Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng tham gia tuần tra và sẵn sàng ứng cứu khi có cháy rừng xảy ra theo lệnh huy động; phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, Công an và chính quyền địa phương tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 27. Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền công tác bảo vệ rừng và phòng cháy và chữa cháy rừng; tổ chức thông tin kịp thời các bản tin dự báo nguy cơ cháy rừng, các vụ cháy rừng và các văn bản chỉ đạo của trung ương, cấp tỉnh về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; xây dựng và phát các bản tin, phóng sự, chuyên đề về công tác bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng.

Điều 28. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bố trí phương tiện cấp cứu và lực lượng y tế khi nhận được đề nghị hỗ trợ y tế, cấp cứu người bị nạn trong chữa cháy rừng.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường bố trí kinh phí phục vụ cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng, đảm bảo quy định của pháp luật và khả năng ngân sách của địa phương.

3. Sở Nội vụ: Hướng dẫn thủ tục, trình tự và thành phần hồ sơ thực hiện xét công nhận chế độ như thương binh, liệt sĩ đối với các trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị khi tham gia chữa cháy rừng.

4. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy rừng; Huy động lực lượng, phương tiện trong phạm vi quản lý của đơn vị để tham gia chữa cháy rừng khi có yêu cầu.

Điều 29. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn quản lý;

2. Thành lập, ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và cứu nạn cứu hộ cấp xã;

3. Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định pháp luật;

4. Chỉ đạo tuyên truyền giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng cho nhân dân, xây dựng phong trào quần chúng tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng;

5. Đầu tư ngân sách cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng cho chính quyền cấp xã nơi có rừng;

6. Trực tiếp chỉ đạo và huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy rừng trên địa bàn;

7. Chỉ đạo tổ chức chữa cháy rừng, điều tra nguyên nhân gây cháy rừng và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan được giao trách nhiệm tại Quy định này, tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác phòng cháy và chữa cháy rừng, thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

3. Các chủ rừng, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư nếu để xảy ra cháy rừng do không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong quy định này, tùy theo mức độ thiệt hại sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật./.